

NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI DÂN VỀ THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG, GIÁO DỤC VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

(Nghiên cứu trường hợp xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên)

ĐẶNG THANH PHƯƠNG

1. Vấn đề nghiên cứu

Nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường, văn hóa, giáo dục, y tế v.v... trong quan niệm của xã hội cũng như của mỗi người dân là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững ở khu vực dân tộc và miền núi nước ta. Bước sang thế kỷ XXI, ngoài việc nâng cao kiến thức văn hóa chung cho cư dân, việc đào tạo những con người lao động toàn diện, nâng cao chất lượng sống của cư dân các dân tộc thiểu số đóng vai trò quan trọng trong chiến lược đó. Bởi vậy, cần chú ý trước tiên tới nhận thức và các mối quan tâm của bản thân người dân miền núi đối với những vấn đề về môi trường, văn hóa, giáo dục, y tế ...

Đợt khảo sát của chúng tôi vào đầu năm 2004 ở xã Thần Sa đã cho thấy, những vấn đề mà người dân quan tâm đều ít nhiều liên quan tới giáo dục trong nhà trường và ngôn ngữ sử dụng; môi trường, sức khỏe; gia đình và bình đẳng giới.

1. Sơ lược về dân cư

Xã Thần Sa thuộc huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, có chiều dài 25 km, chiều rộng 4 km. Trung tâm xã cách đường quốc lộ 1B (Thái Nguyên - Lạng Sơn) 20 km; cách trung tâm huyện (thị trấn Đình Cả) cũng như thành phố Thái Nguyên 40 km. Xã Thần Sa chưa có chợ; người dân trong xã muốn mua bán những mặt hàng lớn phải tới chợ của xã Cúc Đường, cách

trung tâm xã Thần Sa 9 km, đường đất đá gồ ghề và 3 lần qua suối. Từ trung tâm xã tới thôn xa nhất (thôn Thượng Kim, nơi cư trú tập trung của người Dao) là 20 km, không đi được bằng xe máy. Tổng diện tích đất tự nhiên của xã có 19.839,04 ha; trong đó đất nông nghiệp: 10.144 ha, đất lâm nghiệp có rừng: 8.674, 89 ha; đất chưa sử dụng còn 969, 60 ha.

Tính đến tháng 1/2004, toàn xã có 456 hộ, với 2416 khẩu; phân bố trong 9 thôn bản; bao gồm các dân tộc Tày (62,3%), cư trú trong 5 thôn; Dao (30,4%), cư trú tập trung ở 3 thôn; Hmông (6,0 %), sống xen kẽ trong 2 bản của người Tày; còn lại là dân tộc Kinh (30 người, chiếm 1,3%) từ nơi khác đến công tác, làm ăn rồi lấy chồng, lấy vợ là người Tày, người Dao trong xã. Người Tày là cư dân bản địa ở xã; người Dao đến sinh cơ lập nghiệp ở Thần Sa vào những năm 50 của thế kỷ XX. Người Hmông ở xã phân thành 2 nhóm, một nhóm gồm 7 hộ với 49 người từ Hòa An, Cao Bằng đến trước năm 1989 (trước thời kỳ xảy ra hiện tượng đãi vàng sỏi động nhất ở Thần Sa 1997-1998), hiện sống ở thôn Ngọc Sơn 2. Nhóm thứ hai gồm 5 hộ với 42 người di cư tự do từ Chiêm Hóa, Tuyên Quang đến Thần Sa sau năm 1990, hiện sống ở thôn Kim Sơn.

Toàn xã có 407 nhà sàn (số nhà có sàn lát ván chiếm 40%, sàn lát nửa chiếm 60%), 40 nhà trệt (trong đó số nhà lợp mái tranh chiếm tỷ lệ 70%), 3 nhà xây của người Dao ở thôn Hạ Sơn Dao và 5

nhà xây thuộc khu tập thể giáo viên. Do đường giao thông còn khó khăn, lại xa chợ, xa các thị trấn, thị xã, nên các sản phẩm thu hái được từ rừng (gỗ, mật ong, mộc nhĩ, măng khô...) và sản phẩm dệt may của phụ nữ Tày, Dao (vỏ chăn, đệm, túi xách ...) chủ yếu để sử dụng và mua bán trao đổi trong phạm vi xã. Một số ít do lái buôn từ xã Cúc Đường, hoặc từ thị trấn huyện đến mua buôn. Cả xã Thần Sa chỉ có một cửa hàng đại lý nhỏ ở gần trung tâm xã và 4 cửa hàng tạp hóa ở 4 thôn gần kề trung tâm xã. Không có hộ giàu; số hộ đói nghèo chiếm tỷ lệ hơn 30%, trong đó chủ yếu rơi vào số hộ người Dao (ở Thượng Kim và Tân Kim) và số hộ người Hmông mới nhập cư từ Cao Bằng, Tuyên Quang về, hiện sống trên một khu đất ở rìa thôn Ngọc Sơn 1 (nơi ở tập trung của người Tày) và thôn Kim Sơn (gần trụ sở xã, chưa được nhập hộ khẩu vào địa phương).

Trong các hộ người Tày ở Thần Sa vẫn tồn tại song song hai kiểu gia đình: ở rể đời và ở rể tạm. Ở những gia đình mà người đàn ông về làm rể đời bên nhà vợ thì con cái chủ yếu vẫn mang họ mẹ. Quan hệ vợ chồng trong các hộ người Tày bình đẳng hơn các hộ người Dao, Hmông; cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm dạy bảo con cái trong học hành, làm ăn và cùng tham gia các sinh hoạt của cộng đồng. Phụ nữ Hmông, Dao ít tham gia các sinh hoạt chung của cộng đồng; trong gia đình họ cũng rất ít khi được ngồi tiếp khách cùng chồng.

Xã Thần Sa là địa bàn cư trú chủ yếu của người Tày. Do đó ngôn ngữ dùng trong giao tiếp chung toàn xã là tiếng Tày. Nhóm người Hmông sống ở Thần Sa khoảng 15 năm có thể nghe và hiểu được tiếng Tày; thanh niên Hmông có thể nói được tiếng Tày. Người Hmông, người Dao chỉ dùng tiếng Việt khi giao tiếp với cán bộ xã và những người nơi khác đến không phải là người Tày. Đặc điểm này đã tạo nên rào cản về ngôn ngữ khi học sinh Dao, Hmông tiếp thu kiến thức trong trường học bằng tiếng Việt. Tỷ lệ người biết chữ ở Thần Sa ở độ tuổi từ 18 trở lên đạt 89%. Tổng số người mù chữ chủ yếu rơi vào độ

tuổi từ 65 trở lên (trong đó có 5% số người tái mù chữ).

Trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên bậc tiểu học ở xã đều đạt tiêu chuẩn từ hệ 12+2 trở lên. Trong tổng số 19 giáo viên trường trung học cơ sở chỉ có ông Hiệu trưởng đạt trình độ đại học, còn lại 18 giáo viên đều đã tốt nghiệp hệ Cao đẳng Sư phạm. Cũng như các xã khác, ở Thần Sa có hai trường tương đương với hai cấp là tiểu học và trung học cơ sở. Trường tiểu học với 6 điểm trường, một ở trụ sở chính và 5 điểm đặt ở 5 thôn của xã. Độ tuổi đến trường của học sinh lớp 1 và độ tuổi vào lớp 6, lớp 9 còn cao hơn so với quy định chung (vào lớp 1 chỉ có 8/49 em trong độ tuổi 7 - 10; vào lớp 6 có 10/40 em trong độ tuổi 12-15; vào lớp 9 có 7/33 em trong độ tuổi 17-18). Số học sinh lưu ban và bỏ học giữa chừng chiếm 11% (học sinh Hmông chiếm 6%, học sinh Dao chiếm 4% và Tày chiếm 1% trong tổng số học sinh lưu ban và bỏ học giữa chừng ở bậc tiểu học). Về chất lượng học tập của học sinh các dân tộc, nhìn chung ở bậc trung học cơ sở kém hơn so với bậc tiểu học. Nếu như số học sinh đạt loại giỏi ở bậc tiểu học chiếm 7,9% và không có học sinh loại học lực yếu, thì ở bậc trung học cơ sở chỉ có 1,9% em đạt loại giỏi (đều là nữ, dân tộc Tày), và số học sinh có học lực loại yếu chiếm tới 2,9% (5 học sinh người Dao, 1 học sinh người Hmông). Nguyên nhân của hiện tượng này sẽ được nhắc tới trong phần "nhận thức của người dân" Thần Sa về giáo dục.

2. Nhận thức của người dân Thần Sa về thực trạng và giải pháp đối với các vấn đề môi trường, giáo dục và bình đẳng giới

2.1. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng một số phương pháp sau đây:

a. Phương pháp **Đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA)**

- Đối tượng tham gia thảo luận:

+ Nông dân (30 người từ 18 đến 55 tuổi; trong đó có 3 người Hmông, 9 người Dao, còn lại là người Tày); được phân thành 4 nhóm.

+ Giáo viên: bậc tiểu học (6 cô giáo người Tày); bậc trung học cơ sở (6 cô, 4 thầy; trong đó có 2 thầy, cô là người Kinh, còn lại là người Tày); được phân thành hai nhóm.

+ Học sinh: 20 em ở lớp 5 và lớp 9 (2 em người Hmông, 4 em người Dao, và 14 em người Tày); phân làm 2 nhóm.

Các nhóm thảo luận về các vấn đề môi trường, giáo dục, ngôn ngữ, và bình đẳng giới.

b. Phân tích các vấn đề bằng công cụ “ma trận”, theo các bước: 1) Liệt kê các vấn đề bức xúc nhất; 2) Cho điểm theo vấn đề (theo thang đo từ 1-5); 3) Tính tổng điểm theo chiều ngang cho mỗi vấn đề; 4) Xếp thứ tự các vấn đề theo tổng điểm.

c. *Thực hiện phỏng vấn sâu* người cao tuổi, trưởng các ban ngành ở xã, Hiệu trưởng trường tiểu học và trung học cơ sở, để thu thập thông tin về lịch sử phát triển của xã; những biến đổi về môi trường, giáo dục, sức khỏe và quan hệ gia đình, quan hệ dân tộc.

Trên cơ sở các bước nghiên cứu đó, các nhóm tham gia thảo luận đã chỉ ra được những vấn đề bức xúc và đề ra một số giải pháp về các lĩnh vực nêu trên ở Thần Sa hiện nay.

2.2. *Về giáo dục, ngôn ngữ và bình đẳng giới*

Vấn đề mà giáo dục toàn quốc đang quan tâm hiện nay là tỉ lệ nhập học đúng độ tuổi ở bậc tiểu học và trung học cơ sở, tăng tỉ lệ học hết cấp và tăng tỉ lệ biết chữ của người lớn. Riêng đối với giáo dục vùng miền núi và dân tộc còn là vấn đề sử dụng ngôn ngữ trong học tập và giảng dạy của

học sinh và giáo viên.

Khi thảo luận về “mặt hạn chế”, các nhóm tập trung chủ yếu vào “hoàn cảnh kinh tế của các gia đình còn khó khăn” (còn nhiều hộ gia đình có tổng trị giá tài sản chưa đạt 200.000 VNĐ); và vấn đề “giao thông khó khăn”. Còn nhóm người Dao quan tâm nhiều nhất tới vấn đề “chỗ ở nội trú chật chội” và “trình độ tiếng Việt của học sinh Hmông, Dao kém”. “Hiểu biết của học sinh bị hạn chế” không chỉ là nhận xét của giáo viên, mà cũng là vấn đề nhóm phụ huynh người Tày đề cập tới nhiều (29 điểm). Các nhận xét còn lại là của nhóm giáo viên tiểu học và trung học cơ sở Thần Sa.

Khi thảo luận về “mặt ưu điểm” trong giáo dục, các nhóm nông dân và giáo viên đều ghi nhận “Vai trò tích cực của đội ngũ quản lý ở địa phương” đối với sự phát triển của ngành giáo dục xã Thần Sa (tổng điểm của nhóm nông dân là 39 điểm). Đặc biệt, nhóm cho điểm về vấn đề “thầy cô giáo nhiệt tình” lại tập trung toàn bộ vào nhóm học sinh (20 em). Nhận thức “Quy đất cho trường học lớn” hầu hết tập trung vào nhóm giáo viên, chỉ có 14 điểm của nhóm nông dân. Hai nhận xét “Học sinh tiếp thu các môn học tự nhiên tốt hơn các môn học xã hội” và “Việc tiếp thu kiến thức trong nhà trường của học sinh không có sự phân biệt về giới” hoàn toàn là nhận xét của nhóm giáo viên.

Xếp theo thang đo từ cao xuống thấp, nhận thức của người dân Thần Sa về những vấn đề cấp bách liên quan tới giáo dục và ngôn ngữ gồm 8 vấn đề (từ 40 điểm trở lên).

Bảng 1. Nhận thức của nông dân, giáo viên và học sinh xã Thần Sa về giáo dục và ngôn ngữ (xếp theo tổng điểm từ cao xuống thấp)

Nhận thức			
Hạn chế	Điểm	Ưu điểm	Điểm
1. Hoàn cảnh kinh tế gia đình học sinh quá khó khăn.	105	1. Các tổ chức chính quyền, đoàn thể quan tâm.	72
2. Giao thông khó khăn.	98	2. Thầy, cô giáo nhiệt tình.	60
3. Hiểu biết của học sinh bị hạn chế.	77	3. Quy đất cho trường học lớn.	51

4. Chỗ ở nội trú chật chội; phòng học thiếu thốn và tạm bợ.	73		
5. Trình độ tiếng Việt của học sinh Hmông, Dao kém (chủ yếu là kém về kỹ năng đọc và viết).	70	4. Học sinh tiếp thu các môn học tự nhiên tốt.	40
6. Khó khăn trong việc huy động học sinh Hmông, Dao tốt nghiệp tiểu học vào lớp 6; hiện tượng học sinh người Dao bỏ học giữa chừng ở lớp 6 & lớp 9.	56	5. Trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên đảm bảo chất lượng.	32
7. Học sinh không làm và học bài trước khi đến lớp.	55	6. Việc tiếp thu kiến thức trong nhà trường của học sinh người Tày không có sự phân biệt về giới.	28
8. Dạy chạy, học chạy.	49		
9. Nội dung SGK còn chưa phù hợp.	42		
10. Thời gian tập huấn giáo viên ít.	40		
11. Học sinh nhút nhát, ở trên lớp ít phát biểu ý kiến xây dựng bài.	26		
12. Không có học sinh nữ người Dao, Hmông học hết lớp 8.	24		

Trên cơ sở nhận thức về những mặt ưu điểm và hạn chế trong giáo dục ở địa phương, đội ngũ giáo viên và người dân xã Thần Sa đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học sau:

1. Mỗi thôn có một phân trường dạy từ lớp 1 đến lớp 5 (trừ thôn Kim Sơn gần trung tâm xã); mở thêm 2 phân trường dạy lớp 6 và 7 ở 2 xóm có người Dao và người Hmông cư trú.

2. Xây dựng thêm và nâng cấp phòng ở nội trú cho học sinh trung học cơ sở.

3. Giảm bớt kinh phí đóng góp của phụ huynh học sinh.

4. Cải tiến nội dung sách giáo khoa các môn xã hội cho học sinh (tăng cường hình ảnh minh họa và ra các bài tập dưới hình thức nêu vấn đề cho học sinh thảo luận).

5. Đối với bậc tiểu học và trung học cơ sở: Giảm thời gian cho mỗi tiết học trên lớp, nhằm tăng cường thời gian cho các học sinh trao đổi bài học giữa giờ, cũng như tạo điều kiện cho học sinh các dân tộc hiểu nhau hơn.

6. Không cần thiết đưa bộ chữ Tày - Nùng vào dạy trong trường phổ thông mà nên đưa vào dạy trong trường Cao đẳng Sư phạm.

7. Các tổ chức thanh niên, phụ nữ nên chủ động và phối hợp với tổ chức Đảng, chính quyền trong việc vận động phụ huynh học sinh tạo điều kiện cho các cháu gái người Dao, Hmông được học hết bậc trung học cơ sở.

8. Tìm sự hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài để triển khai các giải pháp trên.

2.3. Về vấn đề môi trường và giới

Khi phỏng vấn và thảo luận về các vấn đề liên quan tới môi trường và bảo vệ môi trường, đã có nhiều ý kiến khác nhau giữa nhóm nông dân, giáo viên, cán bộ quản lý, học sinh; giữa nam và nữ; và cuối cùng là giữa các nhóm tuổi. Vấn đề mà các nhóm trên đưa ra không chỉ liên quan đến môi trường tự nhiên, mà còn bao gồm cả những vấn đề xã hội (còn nhiều hộ nghèo, thiếu các hoạt động văn nghệ, thể thao; tệ nạn xã hội này sinh sau các đợt khai thác vàng ở xã như: vấn đề sử dụng ma túy, vợ chồng lục đục, người phụ nữ trong gia đình bị xâm hại về nhân cách và cơ thể...).

Xếp thang theo tổng điểm, nhận thức của người dân Thần Sa về những vấn đề cấp bách liên quan tới môi trường gồm 8 vấn đề. Đó là:

1. Nhà vệ sinh không đạt yêu cầu (117 điểm)
2. Thiếu nước sạch (110 điểm)
3. Rác thải bừa bãi (109 điểm)
4. Nạn phá rừng (91 điểm)
5. Ô nhiễm do khai thác vàng (44 điểm)

6. Nước thải bừa bãi (31 điểm)
7. Phân gia súc bừa bãi (26 điểm)
8. Sản bản thú rừng (23 điểm)

Dưới đây là nhận thức của người dân xã Thần Sa về các mặt hạn chế và tích cực liên quan tới vấn đề môi trường và những giải pháp để bảo vệ môi trường

Bảng 2. Nhận thức của nông dân, giáo viên và học sinh xã Thần Sa về cải thiện môi trường sống và bảo vệ môi trường tự nhiên

Môi trường và bảo vệ môi trường	
Nhận thức	
Mặt tiêu cực	Mặt tích cực
1. Nhà vệ sinh không đạt tiêu chuẩn	1. Đã có nước sạch ở 2 thôn
2. Thiếu nước sạch.	2. Đường giao thông tương đối thuận tiện
3. Rác thải vứt bừa bãi	3. Có điện
4. Chặt phá rừng, dùng gỗ quý làm củi; đốt nương rẫy bừa bãi	4. Có trường học
5. Ô nhiễm do khai thác vàng	5. Có trạm y tế
6. Phân gia súc & nước thải bừa bãi	6. Có trạm bơm thủy lợi
7. Sản bản động vật hoang dã	7. Không khí trong lành
8. Sử dụng mìn đánh bắt cá	8. Có nhiều cây xanh
9. Sử dụng thuốc trừ sâu	
10. Sạt lở đất	
11. Thiếu điện sinh hoạt	
12. Thiếu kiến thức kỹ thuật	
13. Thiếu các hoạt động văn hóa văn nghệ và thiếu các hoạt động thể thao	
14. Sử dụng thuốc phiện	
15. Còn nhiều hộ nghèo	

Mặc dù trên thực tế nạn phá rừng lấy củi phục vụ cho sinh hoạt và kinh doanh của người dân vẫn diễn ra hàng ngày và việc dùng mìn săn bắt cá ngày càng tăng, nhưng những vấn đề này không được người dân xếp vào nhóm “mặt tiêu cực” ở thứ bậc cao.

Trên cơ sở nhận thức về những mặt tích cực và tiêu cực trong vấn đề bảo vệ môi trường tự nhiên và cải thiện môi trường sống, người dân xã Thần Sa đã đưa ra một số giải pháp nhằm cải thiện môi trường sống như sau:

- *Nhóm học sinh Trung học cơ sở (THCS):*

1. Giữ sạch vệ sinh nơi công cộng
2. Thông báo cho người có trách nhiệm về hành vi phá rừng tại xã
3. Thảo luận với mọi người (cha mẹ, anh chị em, họ hàng) về bảo vệ môi trường.

- *Nhóm nông dân và cán bộ:*

1. Phá huỷ công cụ săn bắn
2. Truyền bá kiến thức về bảo vệ môi trường đến từng người dân trong xã

3. Thay thế chất đốt củi bằng bio - gas, rơm, rạ, trấu nhằm giảm các hành vi phá rừng

4. Tìm sự hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài để triển khai các giải pháp trên.

3. Hướng tới tương lai

Sau khi đưa ra một số giải pháp về giáo dục và cải thiện môi trường giáo dục, về bảo vệ môi trường tự nhiên và cải thiện môi trường sống, người dân ở xã Thần Sa đã vẽ lên một bức tranh về khung cảnh cuộc sống của xã Thần Sa trong vòng mười năm tới.

Bảng 3. Suy nghĩ của người dân về cuộc sống ở xã Thần Sa trong thập niên đầu của thế kỷ XXI

		Sau 5 năm	Sau 10 năm
Về môi trường và sức khỏe	Rừng	Bắt đầu thực hiện trồng rừng, phủ xanh đồi trọc.	Có nhiều rừng cây to, không còn đất trống, đồi núi trọc; tiếp tục trồng thêm cây mới.
	Thú rừng	Sông suối nhiều cá; rừng có nhiều chim; dụng cụ săn bắn sẽ loại bỏ.	Rừng có nhiều thú, rùa vàng, ba ba.
	Cây thuốc	Dùng kết hợp thuốc nam và thuốc tây để có hiệu quả chữa bệnh cao.	Sức khỏe được đảm bảo, không cần phải dùng thuốc tây.
	Bãi vàng	Không còn hoạt động khai thác vàng; bắt đầu trồng cây, cải tạo đất, môi trường sạch sẽ.	Bãi vàng không còn người khai thác tự do; rừng được phủ xanh, môi trường không còn ô nhiễm.
Về giáo dục, văn hóa - ngôn ngữ	Nhà trường	Bắt đầu xây dựng phòng học và khu nội trú cho học sinh.	Toàn bộ trường học là nhà cao tầng; tất cả học sinh ở xa đều được ở nội trú.
	Giáo viên	Khuyến khích học sinh các dân tộc ở xã theo học ngành sư phạm.	Có 50% giáo viên là người Tày, Dao, Hmông ở xã biết tiếng dân tộc và hiểu được tâm tư tình cảm của học sinh.
	Học sinh	Huy động được nhiều học sinh người Dao, Hmông đến lớp đúng độ tuổi.	Thêm nhiều học sinh đổ vào các trường đại học và cao đẳng; tất cả các em gái người Dao, Hmông đều được đến trường học đúng độ tuổi.
	Văn hóa, ngôn ngữ	Động viên nam nữ thanh niên các dân tộc trong xã sáng tác nhiều bài thơ, bài hát ca ngợi quê hương, đất nước theo làn điệu dân ca và bằng ngôn ngữ mẹ đẻ.	Thêm nhiều sản phẩm dệt của dân tộc và xuất bản nhiều ấn phẩm sáng tác bằng tiếng Tày, Dao, Hmông được giới thiệu trong toàn quốc.

4. Kết luận và khuyến nghị

Để đảm bảo cho sự trong lành của môi trường sinh thái, cho sự bình an và nâng cao đời sống của mỗi cộng đồng, không ai khác ngoài chính đội ngũ cán bộ quản lý và cư dân các dân tộc trong xã cùng nhau quan tâm và đưa ra các giải pháp nhằm bảo vệ và phát triển bền vững môi

trường tự nhiên, môi trường xã hội tại địa phương:

1. Nâng cao trình độ học vấn cho đồng bào, chú trọng hơn tới giới nữ dân tộc Dao và Hmông.

2. Mở thêm các phân trường dạy từ lớp 1 đến lớp 5 tại các thôn của đồng bào Dao (Hạ Kim, Thượng Kim, Tân Kim), của đồng bào Tày và

Hmông (Ngọc Sơn 2). Sớm hình thành 7 lớp mẫu giáo ở 7 thôn và tổ chức dạy tiếng Việt cho các cháu từ 5 tuổi (trước mắt ưu tiên cho các thôn của người Dao và Hmông). Cán bộ xã góp sức cùng ngành giáo dục huyện Võ Nhai để sớm hoàn thành việc xây dựng trường Trung học cơ sở và Khu nội trú cho các học sinh ở xa.

3. Sớm ổn định cuộc sống cho bà con người Hmông mới nhập cư (thông qua việc hỗ trợ công sức trong việc xây cất nhà và làm thủ tục nhập khẩu cho số hộ mới đến sau).

4. Huy động lực lượng thanh niên và chị em phụ nữ tổ chức thường xuyên các hình thức sinh hoạt văn nghệ, thể thao nhằm duy trì và phát triển tiếng nói, chữ viết dân tộc; bảo tồn và phát triển các hình thức văn nghệ dân gian và nâng cao sức khoẻ cho con người.

5. Nâng cao nhận thức cho người dân và chú trọng tới vai trò của phụ nữ các dân tộc trong việc bảo vệ và trồng cây gây rừng; kết hợp tri thức địa phương trong việc bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn nước, bảo vệ môi trường sống và sức khoẻ.

6. Huy động vốn từ các dự án, kết hợp với việc vận động đồng bào xây dựng nhà vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn; thu gom và xử lý rác và nước thải sinh hoạt; hạn chế việc thả rông gia súc, nhằm giảm thiểu sự ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt và tránh các dịch bệnh do môi trường bị ô nhiễm gây nên.

Tài liệu tham khảo

1. Ngân hàng phát triển Châu Á. *Báo cáo Việt Nam. Nhu cầu y tế và giáo dục của dân tộc ít người ở tiểu vùng sông Mê Kông*, Hà Nội, tháng 6 - 2000.
2. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. *Báo cáo phát triển con người Việt Nam 2001. Đổi mới và sự nghiệp phát triển con người*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
3. Tổ chức Phát triển Đức (DED) & Trung tâm Phát triển vì Phụ nữ và Trẻ em (DWC). *Báo cáo đánh giá Lớp tập huấn về bảo vệ môi trường cho người dân xã Thần Sa*, Hà Nội, tháng 2/ 2004.
4. Bộ Giáo dục & Đào tạo - UNICEF - Ủy ban Dân tộc. *Kỷ yếu Hội nghị quốc gia, Chính sách, chiến lược sử dụng và dạy-học tiếng dân tộc, tiếng Việt cho các dân tộc thiểu số*, Hà Nội, tháng 11/2004.

NHÀ RỪNG – NHÀ GƯƠL (xem tiếp trang 56)

Vũ Ngọc Bình. *Bảo tồn nhà rông dân gian và phát huy tác dụng của mô hình nhà rông văn hoá ở tỉnh Gia Lai*, trong sách “Nhà rông-nhà rông văn hóa”, đã dẫn, tr.51-58.

Phạm Cao Đạt. *Phác thảo bức tranh toàn cảnh về nhà rông ở Kon Tum (thực trạng đến tháng 7-1999)*, trong sách “Nhà rông Bắc Tây Nguyên”, Sở Văn hóa -Thông tin tỉnh Kon Tum xuất bản, 1999.

Tô Đông Hải. *Nhà rông văn hoá và sức sống của một thiết chế*, trong sách “Nhà rông-nhà văn hóa”, đã dẫn, tr. 130 - 144.

Đinh Hồng Hải-Trần Đức sáng. *Nhà gươl và những nghi lễ chọn đất làm nhà của người Cơ tu*, Tạp chí Xưa và Nay, số tháng 5-2003.

Vũ Thị Hoa. *Giữ gìn, phát huy vốn văn hoá truyền thống của dân tộc*, Ty văn hoá -Thông tin Gia Lai - Kon Tum, 1981, tr. 289 - 310.

Nguyễn Tri Hùng. *Về các giá trị văn hoá nghệ thuật của nhà gươl người Cơ tu*, trong sách “Nhà rông-nhà văn hóa”, đã dẫn, tr.167-177.

Sở văn hoá -thông tin Bình Định. *Nhà rông ở Bình Định*, trong sách “Nhà rông-nhà văn hóa”, đã dẫn, tr.284-295.

Sở Văn hoá-thông tin Quảng Nam. *Vài suy nghĩ về xây dựng nhà làng các dân tộc thiểu số ở miền núi Quảng Nam*, trong sách “Nhà rông-nhà văn hóa”, đã dẫn, tr.321-330.

Tô Ngọc Thanh. *Văn hoá các tộc người Tây Nguyên, thành tựu và thực trạng*, Tạp chí Văn hoá dân gian, số 3 - 2003.

Ngô Đức Thịnh. *Một số vấn đề phát triển kinh tế-xã hội buôn làng Tây Nguyên*, NXB Khoa học xã hội, H., 2002, tr. 39 - 69.

Lê Xuân. *Mấy vấn đề về nhà rông-nhà rông văn hoá*, trong sách “Nhà rông-nhà văn hóa”, tr. 445 - 449.